

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2019/HS-PT

Ngày 01-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Huân

2. Bà Nguyễn Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 195/2019/HSPT ngày 09 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2019/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn T; giới tính: nam; sinh năm 1979 tại: tỉnh Đồng Tháp; thường trú: ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm mướn (thợ hồ); trình độ văn hóa: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: TVL và bà: NKH; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (chết) và 03 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

Ông Trần Văn P, sinh năm: 1953 (có mặt)

Trú tại: số D đường TA, tổ 11, ấp A1, xã B1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:

Ông TTK, sinh năm: 1973 (có mặt)

Thường trú: Tổ D1, ấp 1, xã B2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: Số D2 đường TA, ấp A1, xã B1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Văn P và ông TTK có tranh chấp lối ra vào tại ấp A1, xã B1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 25/5/2018, ông K thuê Trần Văn T gắn 01 khung cửa sắt tạo lối ra vào. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/5/2018, bị cáo T đến nhà ông K để tiếp tục công việc, khi đến nhà ông K, bị cáo thấy cửa sắt kích thước 2,15m x 1,2m gắn vào tường nhà ông K (được bị cáo làm hôm trước) đã bị ông P và người nhà xô ngã về hướng nhà ông K và yêu cầu ông K xây lại bức tường như cũ; ông K không đồng ý do tường rào thuộc phần đất của ông K. Sau đó, ông P gọi điện thoại cho ông NVH (trưởng ấp A1) đến để giải quyết tranh chấp. Khi ông H đến thì chứng kiến 02 bên cãi vã to tiếng. Lúc này, bị cáo cũng nghe được những lời cãi vã của ông P và người thân ông P nên tức giận vì cho rằng ông P đang chửi và thách thức mình, bị cáo nhặt 01 phần của mảnh gạch kích thước 05cm x 04cm x 01cm tại nhà ông K cầm trên tay phải, đứng cách ông P khoảng 13,5m ném trúng đầu ông P gây thương tích. Ông Trần Văn P có Đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự (BL 71-74).

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 527/TgT.18 ngày 12/7/2018 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (BL 78-81) đối với ông Trần Văn P thể hiện:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Chấn thương đầu đã được điều trị, hiện còn:

- Một sẹo kích thước 3,4x0,1cm tại trán trên trái;
- Có hình ảnh sóng gai nhọn trên điện não đồ, lâm sàng ổn định.

2. Theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 05%.

3. Kết luận khác: Thương tích do vật tày, vật tày có cạnh tác động gây ra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 227/KL-HĐ ĐGTS ngày 02/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi (BL 92) thể hiện: Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thống nhất giá trị của tài sản (chi phí lắp ráp khung cửa sắt, kích thước 1,2m x 2,15m) là: 1.600.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2019/HS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm “Tội Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Trần Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 02/4/2019, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 03/4/2019, ông Trần Văn P có đơn kháng cáo đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của ông TTK (ông P ghi vào đơn là ông TAK).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm ghi nhận, xác định hành vi phạm tội của bị cáo chỉ do bột phát, không bị xúi giục, chỉ đạo. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, có lời xin lỗi bị hại là ông Trần Văn P.

Ông Trần Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét ông TTK với vai trò là chủ mưu trong vụ án “Cố ý gây thương tích”, ngoài ra, ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ông TTK xác định không chỉ đạo, không xúi giục bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Ông P và ông K cùng cho rằng quyền sử dụng đất nơi xây dựng bờ tường là thuộc về mình và bản thân là người xây dựng nên bức tường trên; đây cũng là nguyên nhân khởi điểm dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất của vụ án, cho rằng bị cáo phạm tội do nhất thời, vợ bị cáo chết và hiện bị cáo là người trực tiếp nuôi 03 con còn nhỏ, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng... nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo. Riêng đối với kháng cáo của bị hại đối với ông TAK, do hồ sơ vụ án chỉ thể hiện có ông TTK là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ngoài lời khai của ông P thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh ông TTK là đồng phạm của bị cáo trong vụ án “Cố ý gây thương tích” nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P về nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/5/2018, tại ấp A1, xã B1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Văn T đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là 01 phần viên gạch bị bể có kích thước 05cm x 04cm x 01cm ném trúng đầu ông Trần Văn P, qua giám định có tỷ lệ thương tích là 05%. Ông P có Đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo Trần Văn T về “Tội Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội.

[2] Bị cáo Trần Văn T, ông Trần Văn P có kháng cáo, đơn kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Đối với kháng cáo của bị cáo: Bị cáo Trần Văn T đã có hành vi phạm tội như đã nêu. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng; hiện đang trực tiếp nuôi 03 con còn nhỏ; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.... Trên cơ sở đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, có thời gian thử thách đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị hại: Hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thể hiện bị cáo Trần Văn T cho rằng hành vi chỉ mang tính bột phát, không có sự xúi giục, chỉ đạo của ông TTK; ông K xác định bản thân không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; ngoài lời khai của ông Trần Văn P thì không còn chứng cứ nào khác thể hiện ông K là đồng phạm với bị cáo trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P về đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của ông K trong vụ án.

Ngoài ra, đối với quyền sử dụng đất nơi xây dựng bờ tường cũng như nguồn gốc bờ tường được nêu trong diễn biến vụ án, Hội đồng xét xử không có thẩm quyền xem xét tranh chấp dân sự (nếu có) nêu trên cũng như không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp này.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn P.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm “Tội Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Trần Văn T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự năm 2010 (hoặc

điều luật tương ứng của pháp luật về thi hành án hình sự có hiệu lực vào thời điểm thay đổi nơi cư trú).

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Bị cáo không nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Ông Trần Văn P nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo đối với bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Củ Chi; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có QLNVLQ; (1)
- Thi hành án huyện Củ Chi; (2)
- TAND huyện Củ Chi; (1)
- Công an huyện Củ Chi; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (26) (8).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan